TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 917/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị B, sinh năm 1981; thường trú: Số 169A/10 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bị đơn: Anh Đoàn Quốc V, sinh năm 1973; thường trú: Số 169A/10 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Chị Võ Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình tố tụng, Chị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị Võ Thị B và anh Đoàn Quốc V tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D theo giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 05 tháng 6 năm 2002. Việc tìm hiểu, chung sống và kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không có trách nhiệm với gia

đình, sử dụng ma túy gây nghiện, chị B nhiều lần khuyên bảo Anh V, đưa Anh V đi cai nghiện nhưng Anh V không thể từ bỏ ma túy, tiền bạc làm được bao nhiêu anh dùng vào việc mua ma túy, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cải nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị B yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Quốc V.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Đoàn Gia H, sinh ngày 16/01/2002 và Đoàn Gia A, sinh ngày 23/11/2003. Sau ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và tự nguyện không yêu cầu Anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đoàn Gia H đã trưởng thành, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Võ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn Anh Đoàn Quốc V:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu Anh Đoàn Quốc V có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Võ Thị B nhưng anh Đoàn Quốc V không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/01/2021 nhưng Anh V vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Võ Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Võ Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Đoàn Quốc V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị B và Anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị B và anh Đoàn Quốc V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D theo giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 05 tháng 6 năm 2002 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND phường B ngày 02/12/2020 thể hiện: Mâu thuẫn của chị B và anh V chính quyền địa phương không rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Võ Thị B cho rằng quá trình chung sống anh Đoàn Quốc V và người chồng không có trách nhiệm với gia đình, là trụ cột gia đình nhưng tiền bạc làm ra anh chỉ phục vụ cho mục đích cá nhân (sử dụng ma túy), tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể tìm được tiếng nói chung, tình cảm chị B dành cho anh V ngày càng phai nhạt. Vì vậy, chị B xác định tình cảm dành cho anh V không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Riêng anh Đoàn Quốc V, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh V đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V không lên và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh V đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Võ Thị B.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Gia A, sinh ngày 23/11/2003. Trong thời gian trước đây cũng như hiện tại cháu A ở với chị B, quá trình nuôi dưỡng con vẫn đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A là được sống cùng chị B sau khi cha, mẹ ly hôn. Mặt khác, anh V cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị B về việc nuôi dưỡng con chung. Riêng cháu Đoàn Gia H đã trưởng thành, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị B tự nguyện không yêu cầu anh Đoàn Quốc V cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 338, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị B được ly hôn với anh Đoàn Quốc V (Giấy chứng nhận kết hôn số 105 do Ủy ban nhân Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 6 năm 2002).

2. Về con chung: Anh Đoàn Quốc V giao con chung tên Đoàn Gia A, sinh ngày 23/11/2003 cho Chị Võ Thị B tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Võ Thị B tự nguyện không yêu cầu Anh Đoàn Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Đoàn Gia H đã trưởng thành, Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn, Chị Võ Thị B và anh Đoàn Quốc V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048852 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm